TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu
2. Ông Đỗ Văn Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 529/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2022/QĐST – DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị O, sinh năm: 1972
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Xuân A, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1969
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Xuân A, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.
Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt**.**

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2022 nguyên đơn là bà Mai Thị O và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đều trình bày:

Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu tổ chức kết hôn sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1990 và có con chung nhưng do không hiểu biết về pháp luật nên bà Mai Thị O và ông Lê Văn L vẫn chưa đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng về tính tình cũng như quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn chính là cách cư xử trong cuộc sống gia đình cũng như trong mối quan hệ gia đình hai bên nên từ đó vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc giúp đở từ đó tình cảm nhạt phai và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013. Nay tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L nhưng do không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà O, ông L là vợ chồng để được ly hôn.

Về con chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L có 02 người con chung tên Lê Trung H, sinh năm: 1992 và Lê Văn T, sinh năm: 1990. Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Mai Thị O xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn L và bà Mai Thị O tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1990 sau đó thì có con chung nhưng vợ chồng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn về tính tình và cách sống, cũng như tiền bạc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 09 năm. Nay bà O làm đơn yêu cầu ly hôn, ông L đồng ý thuận tình ly hôn với bà O vì thực tế vợ chồng không còn yêu thương và cũng không còn sống chung nhưng do bà O với ông L không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận bà O với ông L là vợ chồng và ông L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo bản tự khai ngày 22/7/2022, đồng thời có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông Lê Văn L và bà Mai Thị O có 02 người con chung tên Lê Trung H, sinh năm: 1992 và Lê Văn T, sinh năm: 1990. Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn L và bà Mai Thị O không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông Lê Văn L và bà Mai Thị O cùng khai không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L chung sống như vợ chồng vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn là không đúng quy định pháp luật nay bà O làm đơn yêu cầu ly hôn và ông L cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà Mai Thị O và ông Lê Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L có 02 người con chung tên Lê Trung H, sinh năm: 1992 và Lê Văn T, sinh năm: 1990. Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Mai Thị O phải chịu án phí và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng:

Bà Mai Thị O làm đơn khởi kiện ly hôn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà O và ông L là vợ chồng. Ông L là bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 3, phường Xuân A, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà O thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Veà vieäc xeùt xöû vaéng maët bị đơn:

Ngày 22/7/2022 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2022/QĐST – DS ngày 22/7/2022 cho bị đơn tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, tại Bản tự khai bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Ñieàu 174, Điều 175, Điều 177, Ñieàu 227, Ñieàu 228 vaø Ñieàu 233 của Boä luaät toá tuïng daân sự, xeùt xöû vaéng mặt bị đơn.

3/ Nội dung tranh chấp**:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn về tính tình và cách sống, cũng như tiền bạc từ đó vợ chồng mặc ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa nên đã sống ly thân từ năm 2013. Nay bà O nhận thấy tình trạng gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà O làm đơn ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận bà O với ông L là vợ chồng.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định

của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Vợ, chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

2. Cấm vợ, chồng có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau".

Khoản 01 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn".

Khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L thừa nhận việc bà O trình bày về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn của vợ chồng là đúng sự thật hiện nay tình trạng hôn nhân giữa bà O với ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà O và ông L được ly hôn theo quy định pháp luật.

Tại Phiếu yêu cầu xác minh số 247/XM-TA/P8 ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết do UBND phường Xuân A, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cung cấp có kết quả xác minh: "Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L cư trú tại khu phố 3, phường Xuân A, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay sổ bộ hộ tịch về đăng ký kết hôn của địa phương không có tên bà Mai Thị O và ông Lê Văn L".

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000".

Töø nhöõng lyù do treân Hoäi ñoàng xeùt xöû, xeùt thaáy vieäc bà O làm ñôn yeâu caàu ly hoân ông L là coù caên cöù vaø ñuùng quy ñònh phaùp luaät

nên caàn chaáp nhaän yeâu caàu ly hoân cuûa bà O laø phuø hôïp với Điều 14, Ñieàu 51, Ñieàu 56 của Luaät hoân nhaân vaø gia ñình.

Về con chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L có 02 người con chung tên Lê Trung H, sinh năm: 1992 và Lê Văn T, sinh năm: 1990. Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông L chung sống như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà O và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L có 02 người con chung tên Lê Trung H, sinh năm: 1992 và Lê Văn T, sinh năm: 1990. Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Mai Thị O phải chịu án phí và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục cũng như nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

5/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà O là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/7/2022) bà O có quyền kháng cáo. Ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Ñieàu 147, Ñieàu 174, Điều 175, Điều 177, Ñieàu 227, Ñieàu 228, Ñieàu 233, Điều 262 và Điều 273 của Boä luaät toá tuïng daân söï;

- Điều 5, Điều 9, Điều 14, Điều 53, Ñieàu 51, Ñieàu 56, Điều 57, Ñieàu 58, Ñieàu 81, Ñieàu 82 vaø Ñieàu 83 của Luaät hoân nhaân vaø gia ñình;

- Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn về việc thi hành Luaät Hoân nhaân vaø Gia ñình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị O.

2.1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Mai Thị O và ông Lê Văn L là vợ chồng.

2.2/ Về con chung: Công nhận bà Mai Thị O và ông Lê Văn L có 02 người con chung tên Lê Trung H, sinh năm: 1992 và Lê Văn T, sinh năm: 1990. Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

2.3. Về tài sản chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Mai Thị O và ông Lê Văn L cùng khai không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

3/ Về án phí: Theo quy định khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà O phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0009978 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/7/2022) bà O có quyền kháng cáo. Ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự*
- *Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết*
- *Lưu*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN LƯU TRIỀU